

VAI TRÒ CỦA NGHIÊN CỨU MỸ THUẬT TRONG BẢO TỒN DI TÍCH

PG&TS. NGÔ VĂN DOANH*

Trước hết, theo chúng tôi, chúng ta phải thống nhất trong việc xác định những tiêu chí một di tích và của công việc bảo tồn. Có lẽ, trong việc này, tốt nhất là chúng ta nên dựa vào những tiêu chí mà quốc tế đã quy định.

Theo Hiến chương Venice (năm 1964) về Bảo tồn và Trùng tu di tích và di chỉ, thì khái niệm di tích lịch sử không chỉ là một công trình kiến trúc đơn chiếc mà bao gồm cả khung cảnh đô thị hoặc nông thôn có chứng tích của một nền văn minh riêng, một phát triển có ý nghĩa hoặc một sự kiện lịch sử; thì việc bảo tồn và tu bổ di tích cần phải có sự viện cầu đến mọi khoa học và kỹ thuật nào có thể góp phần vào việc nghiên cứu và giữ gìn bảo vệ di sản văn hoá. Cũng Hiến chương Venice cho biết, "tiến trình trùng tu là một thao tác có tính chuyên môn cao; và, mục đích của trùng tu là bảo tồn và làm lộ ra giá trị thẩm mỹ và lịch sử của di tích, và, phải dựa trên cơ sở tôn trọng vật liệu gốc và các cứ liệu xác thực...", "những phần đóng góp có giá trị ở mọi thời kỳ vào việc xây dựng di tích cần phải được tôn trọng..."

* TẠP CHÍ ĐÔNG NAM Á

"khi một công trình xây dựng bao gồm nhiều khoảng chồng lên nhau của những thời kỳ khác nhau, thì việc bóc gỡ để làm lộ ra một khoảng bên dưới phải được biện minh xác đáng... Việc đánh giá giá trị các phần cần bóc gỡ và quyết định bóc gỡ những phần nào không thể đơn thuần là ý muốn của cá nhân người phụ trách trùng tu...", "những bộ phận dùng để thay thế vào những chỗ trống phải hài hoà với tổng thể, đồng thời phải phân biệt với phần nguyên gốc; có như vậy việc trùng tu mới không làm sai lệch cứ liệu nghệ thuật hoặc lịch sử.", "các phần xây đắp thêm chỉ được chấp nhận ở mức độ chúng vẫn tôn trọng các bộ phận độc đáo của toà kiến trúc...". Sau đấy, Hiến chương Burra (năm 1979, sửa đổi 1981, 1988, 1999) của ICOMOS Australia về bảo vệ các địa điểm di sản có giá trị văn hoá có nói, địa điểm bao gồm di chỉ, vùng đất, cảnh quan, công trình xây dựng và các công trình khác và có thể bao gồm cả các phần hợp thành nội dung, không gian và cả thị giới của địa điểm; bảo tồn có nghĩa là bảo quản kết cấu một địa điểm ở hiện trạng và hãm sự xuống cấp của kết cấu đó. Cũng Hiến chương Burra đã xác định, trùng tu có nghĩa là

đưa kết cấu đang tồn tại của một địa điểm trở lại tình trạng đã biết trước kia bằng cách loại bỏ những phần thêm thắt hoặc ghép lại những thành phần hiện còn mà bị rơi ra hoặc đặt sai chỗ mà không đưa vật liệu mới vào; phục dựng có nghĩa là đưa một địa điểm trở lại tình trạng đã biết trước kia bằng cách đưa vật liệu mới vào kết cấu, để phân biệt với trùng tu. Tiếp theo, Văn kiện Nara về tính xác thực (năm 1994) đã chỉ ra những tiêu chí về giá trị và tính xác thực khá cụ thể. Theo Văn kiện Nara thì, việc bảo vệ di sản văn hoá, dưới mọi hình thức và thuộc mọi thời kỳ lịch sử, là bắt nguồn từ các giá trị vốn được quy định cho di sản đó; thì, sự hiểu biết tính xác thực đóng một vai trò cơ bản trong mọi nghiên cứu khoa học về di sản văn hoá, trong việc lập kế hoạch bảo toàn và trùng tu, cũng như trong các thủ tục đăng ký vào Danh sách Di sản Thế giới hoặc mọi danh mục di sản văn hoá khác¹.

Không chỉ mãi đến tận thế kỷ XX, khi các Công ước và các Văn kiện Quốc tế về bảo tồn di tích ra đời, mà ngay từ thời xa xưa, tại Việt Nam cũng như tại nhiều quốc gia trên thế giới, những tiêu chí về tính xác thực đã được nhắc tới trong công việc tu bổ và làm lại các công trình kiến trúc, đặc biệt là các công trình kiến trúc tôn giáo. Có thể dẫn ra đây làm ví dụ trường hợp của chùa Một Cột (chùa Diên Hựu) của Việt Nam.

Về sự ra đời của chùa Một Cột (Diên Hựu),

sách "Đại Việt sử ký toàn thư" chép: "Kỷ Sửu, năm thứ 1 Sùng Hưng Đại Bảo (1049), mùa đông, tháng 10, dựng chùa Diên Hựu. Trước đây, vua chiêm bao thấy phật Quan Âm ngồi trên toà sen, dắt vua lên toà. Khi tỉnh dậy, vua đem việc ấy nói với bầy tôi, có người cho là điềm không lành. Có nhà sư Thiền Tuệ khuyên vua làm chùa dựng cột đá ở giữa ao làm toà sen của phật Quan Âm ở trên cột, giống như đã trông thấy trong mộng, cho các nhà sư lượn chung quanh tụng kinh cầu cho vua sống lâu. Vì thế gọi là chùa Diên Hựu."² Hơn nửa thế kỷ sau, vào năm 1105, chùa Một Cột được vua Lý Nhân Tông làm lại. Cũng sách "Đại Việt sử ký toàn thư" cho chúng ta biết: "Ất Sửu, năm thứ 5 Long Phù (1105), mùa thu, tháng 9, làm hai ngọn tháp chỏm trắng ở chùa Diên Hựu. Bấy giờ vua chữa lại chùa Diên Hựu đẹp hơn cũ, vét hồ Liên hoa đài, gọi là hồ Linh Chiểu, ngoài hồ có hành lang vẽ chạy chung quanh, ở ngoài hành lang lại đào hồ gọi là Bích Trì; đều bắc cầu vòng để đi qua; trước sân chùa xây bảo tháp..."³. Cũng về việc tu bổ chùa Diên Hựu năm 1105, bia Sùng Thiện Diên Linh thời Lý ghi chép cụ thể hơn: "ở vườn Tây Cấm, dựng chùa Diên Hựu. Theo giầu chế độ cũ, thêm mưu mới của nhà vua. Tạc hồ Linh Chiểu. Trên hồ dựng một cột đá. Trên cột đá nở một hoa sen nghìn cánh. Trên hoa lại gác một toà điện. Trong điện đặt tượng Phật mình vàng. Chung quanh hồ có



Phù điêu trên y môn khám thờ Tam thế chùa Bút Tháp, Bắc Ninh- Ảnh: Quốc Vụ



Cửa đình Hung Lộc- Nam Định - Ảnh: Quốc Vụ

hành lang bao vây, tường vẽ. Ngoài hành lang lại có hồ Khang Bích bọc bốn bề. Mỗi bề có cầu thông ra ngoài sân."⁴

Như vậy, tính xác thực là yếu tố quan trọng trong công việc bảo tồn và trùng tu di tích từ xưa tới giờ. Mà, trong số các di tích lịch sử, thì các di tích nghệ thuật luôn luôn có những vị trí đặc biệt và cũng luôn luôn là những di tích cần những công việc bảo tồn mang tính chuyên môn cao. Và, như các nhà chuyên môn đã nhận định, đối với việc bảo tồn các di tích lịch sử, đặc biệt là các di tích nghệ thuật (các công trình kiến trúc, các tác phẩm điêu khắc, hội họa...), ngành khoa học lịch sử mỹ thuật có

một vai trò quan trọng. Để hiểu được vai trò và ý nghĩa của lịch sử mỹ thuật đối với việc bảo tồn các di tích kiến trúc và nghệ thuật, trước hết cần hiểu về những đặc trưng cơ bản của một công trình nghệ thuật.

Như chúng ta biết, nghệ thuật tạo hình cũng như nghệ thuật không gian (kiến trúc) là một khái niệm bao quát về các dạng nghệ thuật mà những tác phẩm của chúng tồn tại trong không gian không biến đổi và phát triển theo thời gian. Hay, như quan điểm của Henri Focillon (1881-1943), Thủ lĩnh trào lưu hình thức chủ nghĩa trong lịch sử nghệ thuật tại Pháp, thì tác phẩm nghệ thuật chỉ tồn tại với tư cách hình thức và

các biến đổi của hình thức làm tiến triển tác phẩm trong không gian và thời gian, chính hình thức cho chúng ta biết về cá tính nghệ thuật và phong cách. Cũng Henri Focillon cho biết, sự tồn tại, thay đổi của phong cách không hình thành và diễn ra một cách ngẫu nhiên, các phong cách tuân theo những nguyên tắc riêng tồn tại trong chúng...⁵. Những công trình, những tác phẩm nghệ thuật là đối tượng nghiên cứu của ngành khoa học thường được gọi là "nghiên cứu nghệ thuật" hay gọi tắt là "nghệ thuật học".

Theo các nhà nghiên cứu, nghệ thuật học hay nghiên cứu nghệ thuật, ở nghĩa rộng, là cả

một phức thể các khoa học xã hội nghiên cứu nghệ thuật và văn hoá nghệ thuật trong tổng thể với các dạng riêng biệt của nghệ thuật cùng những đặc trưng, những mối quan hệ với thực tại của chúng, cùng sự xuất hiện và quy luật phát triển của chúng, cùng vai trò trong lịch sử nhận thức xã hội, mối tương tác với đời sống xã hội và các hiện tượng văn hoá khác của chúng, cùng toàn bộ phức hợp những vấn đề liên quan đến nội dung và hình thức của những tác phẩm nghệ thuật. Còn khoa học lịch sử nghệ thuật thì nghiên cứu sự phát triển của nghệ thuật trong tổng thể, trong một nước hay trong từng thời kỳ riêng biệt nào đấy, phân tích sự tiến hoá của một thể loại nghệ thuật nào đấy, hay một xu hướng, một trào lưu, một phong cách sáng tạo của một nghệ sĩ nào đấy. Cũng theo sự xác định của các nhà nghiên cứu, công việc của nhà lịch sử nghệ thuật là công việc vừa của người am tường sành sỏi, vừa của một nhà sử học: nhận ra các tác phẩm và tính xác thực của chúng; đưa ra một nhận xét có tính phê bình về các giá trị lịch sử và thời sự của chúng; định vị chúng trong khung cảnh tiến hóa lịch sử của mỗi giai đoạn; tìm ra sự gắn gũi giữa chúng về mặt khảo cổ học, nhằm khôi phục các bước kỹ thuật của việc thực hiện chúng, tìm tòi các tài liệu viết liên quan đến chúng và cuối cùng, giới thiệu chúng sao cho một công chúng rộng rãi hơn có thể hiểu được.

Như vậy, không còn nghi ngờ gì, giữa công việc bảo tồn và trùng tu các di tích lịch sử - văn hoá nghệ thuật với việc nghiên cứu mỹ thuật có những mối liên quan khá chặt chẽ với nhau. Nghiên cứu mỹ thuật, bằng chuyên môn của mình, cung cấp cho các nhà bảo tồn và

trùng tu di tích những cơ sở khoa học rất chi tiết về các di tích. Trên cơ sở những cứ liệu mà các nhà nghiên cứu mỹ thuật cung cấp, các nhà bảo tồn và trùng tu sẽ có cơ sở khoa học hơn trong khi triển khai các công việc của mình.

Trên thực tế, trong công việc bảo tồn các di tích tại nhiều quốc gia khác nhau trên thế giới, công việc nghiên cứu mỹ thuật đã, đang và sẽ còn có những vai trò quan trọng. Ngay ở Việt Nam, đã từ lâu, những nghiên cứu mỹ thuật cũng đã, đang và sẽ còn giúp ích nhiều cho công việc bảo tồn và trùng tu các di tích, đặc biệt là các di tích văn hoá, nghệ thuật. Và, ngược lại, cũng đã từ lâu, trong khi làm công việc của mình, các nhà bảo tồn và trùng tu đã rất chú ý đến việc nghiên cứu mỹ thuật hoặc có hợp tác với những nhà nghiên cứu mỹ thuật./

N.V.D

Chú thích

- 1- Các Hiến chương quốc tế về Bảo tồn và Trùng tu (tài liệu dùng trong Hội thảo nhân Kỷ niệm 5 năm Di sản Mỹ Sơn và Hội An, 2005.
- 2- *Đại Việt sử ký toàn thư*, Tập I, Nxb.KHXH, Hà Nội, 1972, tr. 225- 226.
- 3- *Đại Việt sử ký toàn thư*, Tập I, Nxb.KHXH, Hà Nội, 1972, tr. 244- 245.
- 4- Dẫn theo Hoàng Xuân Hãn, *Lý Thường Kiệt- lịch sử ngoại giao và tông giáo triều Lý*; Nxb. Hà Nội, Hà Nội, 1996, tr. 431.
- 5- H. Focillon, *Cuộc sống các hình thức*, Paris, 1974. (Dẫn theo Xavier Barral Ialtet, *Lịch sử nghệ thuật*, (bản dịch tiếng Việt), Nxb. Thế giới, Hà Nội, 2003, tr. 142- 143.
- 6- Xavier Barral Ialtet, *Lịch sử nghệ thuật*, (bản dịch tiếng Việt), Nxb. Thế giới, Hà Nội, 2003, tr. 6.

NGÔ VĂN DOANH: THE ROLE OF FINE ARTS STUDY ON HERITAGE PRESERVATION

Putting fine arts research as a vital element of the preservation and embellishment of tangible heritage, the author has based on international charters and the real situations of research, especially fine arts in Vietnam to make some requests to ensure the conservation of heritage sites with great success and avoid the deform of original values of those heritage sites.